

Số: 28/KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo của**  
**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Thực hiện Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo, như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2020**

Năm 2020, tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành (DCI: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành), Chỉ số DCI của Sở Nông nghiệp và PTNT đạt 94,30 điểm, đứng thứ 8/20 các Sở, ban, ngành, tăng một bậc so với năm 2019, bốn bậc so với năm 2018<sup>1</sup>. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) đúng và trước hạn đạt 99,95% (trong đó: Trước hạn đạt 75,36%; đúng hạn 24,59%)<sup>2</sup>. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, còn một số tồn tại, hạn chế, như: 3/7 chỉ số thành phần trong Chỉ số năng lực cạnh tranh có điểm số thấp (*Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính đạt 17,86 điểm (thang điểm 20), xếp thứ 16/20; Tính năng động đạt 18,28 điểm, xếp thứ 12/20; Chi phí không chính thức đạt 18,57 điểm, xếp thứ 13/20 các Sở, ban, ngành*); tỷ lệ TTHC được triển khai qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tỷ lệ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích còn thấp; vẫn còn tình trạng giải quyết trễ hạn hồ sơ TTHC (tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn 0,05%).

---

<sup>1</sup> Năm 2016: Đạt 63,03 điểm, đứng thứ 8/16; năm 2017: Đạt 71,27 điểm, đứng thứ 19/19; năm 2018: Đạt 55,15 điểm, đứng thứ 12/19; năm 2019: Đạt 92,30 điểm, đứng thứ 9/19; năm 2020: đạt 94,30 điểm, đứng thứ 8/20.

<sup>2</sup> Năm 2020, tiếp nhận 4.275 hồ sơ TTHC (trong đó: 4.251 hồ sơ tiếp nhận mới; 24 hồ sơ chuyển từ năm 2019). Đã giải quyết 4.234 hồ sơ (trong đó: 3.191 hồ sơ giải quyết trước hạn; 1.041 hồ sơ giải quyết đúng hạn; 02 hồ sơ giải quyết trễ hạn, Sở đã thực hiện xin lỗi theo đúng quy định); 41 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết chuyển sang năm 2021.

## **II. MỤC TIÊU NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH NĂM 2021 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

### **1. Mục tiêu chung**

Phấn đấu năm 2021, Chỉ số DCI của Sở Nông nghiệp và PTNT tăng ít nhất 1 bậc so với năm 2020 trong bảng xếp hạng Chỉ số DCI cấp Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh và duy trì, cải thiện mức xếp hạng ở các năm tiếp theo.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Tiếp tục duy trì, cải thiện mức xếp hạng 04 chỉ số thành phần, gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Văn hóa giao tiếp, ứng xử, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (3) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; (4) Thiết chế pháp lý.

Tập trung cải thiện, nâng điểm số và mức xếp hạng 03 chỉ số thành phần có điểm số và mức xếp hạng năm 2020 thấp, gồm: (1) Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (2) Tính năng động; (3) Chi phí không chính thức. Phấn đấu đến hết năm 2021, các chỉ số thành phần đạt mức xếp hạng trong top 10/20 mức xếp hạng cấp Sở, ban, ngành.

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh (sau đây gọi tắt là người dân, doanh nghiệp) với Sở Nông nghiệp và PTNT; phấn đấu đến hết năm 2021, tối thiểu 65% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tích hợp 40% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Phấn đấu từ năm 2021, tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích đạt từ 20% trở lên.

Tiếp tục thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC, tập trung vào các TTHC thường xuyên có phát sinh hồ sơ.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC của Sở Nông nghiệp và PTNT đạt 90% trở lên năm 2021 và đạt trên 95% ở các năm tiếp theo.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp áp dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch, ưu tiên thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ.

## **III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ DCI NĂM 2021 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

### **1. Về tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Cập nhật, đăng tải kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định các văn bản

quy phạm pháp luật, các thông tin, tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Trang thông tin điện tử.

“Niêm yết, công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Bộ phận “Một cửa” và trên Trang thông tin điện tử của Sở; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định công bố TTHC”.

Niêm yết công khai đầy đủ các TTHC, nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng giải quyết, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”, Trang thông tin điện tử của Sở, Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định công bố TTHC, đảm bảo minh bạch, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

## **2. Về văn hóa giao tiếp, ứng xử, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính**

Thực hiện nghiêm Kế hoạch số 08/KH-SNN ngày 31/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về triển khai thực hiện Đề án văn hóa công vụ tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở; quản lý chặt chẽ công chức, viên chức và người lao động, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước trong các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện tự giác, có nền nếp, ngày càng nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ, tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, xây dựng môi trường văn hóa công sở văn minh, thân thiện, liêm chính, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện “4 xin (*xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép*), 4 luôn (*luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ*)” trong giao dịch, giải quyết TTHC với cá nhân, tổ chức.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cấp máy móc, thiết bị, đường truyền internet, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, chia sẻ, tích hợp dùng chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; đảm bảo cơ sở vật chất, tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức và người lao động, kịp thời biểu dương, khen thưởng cán bộ, công chức tiêu biểu về văn hóa giao tiếp ứng xử.

## **3. Về chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính**

Định kỳ thực hiện rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nhóm TTHC thuộc phạm vi, chức năng giải quyết, quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT; thời gian giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp phải gắn với việc thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC theo quy định;

đảm bảo các quy định về TTHC đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức cho người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các TTHC; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bưu chính công ích, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết TTHC; hạn chế thấp nhất việc để người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”. Đảm bảo 100% hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” được đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **4. Về tính năng động**

Thường xuyên rà soát, đánh giá, tổng hợp các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có nội dung chưa rõ, khó hiểu, đa nghĩa, mâu thuẫn, chồng chéo, khó tuân thủ hoặc thiếu tính khả thi, minh bạch, bất hợp lý để kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.

Thực hiện đối thoại với người dân, doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc mà người dân, doanh nghiệp đang gặp phải trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và giải quyết thủ tục hành chính; phân công cụ thể cán bộ đầu mối theo dõi, nắm bắt, hỗ trợ và công khai kết quả giải quyết trên Trang thông tin điện tử để người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện; tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trong thực thi và tuân thủ pháp luật đảm bảo khách quan, đúng thẩm quyền.

#### **5. Về chi phí không chính thức**

Công bố kịp thời, đầy đủ, công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa, các nội dung sửa đổi, bổ sung, các quy định mới trong các lĩnh vực kinh doanh để làm phát sinh các chi phí không chính thức.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, tạo gánh nặng cho người dân, doanh nghiệp trong thực thi công vụ và giải quyết TTHC.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước và giao dịch giữa cơ quan quản lý nhà nước với người dân, doanh nghiệp; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp nhận thức về lợi ích sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong thực hiện TTHC, hạn chế thấp nhất tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước.

## **6. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến đăng ký kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những quy định không phù hợp, trái pháp luật gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng các tài liệu, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, giải thích các nội dung chưa rõ, khó hiểu, hay có thắc mắc, kiến nghị trong quy định về TTHC, đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện và không hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, các quy định mới của pháp luật về đăng ký kinh doanh, giải quyết thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

## **7. Thiết chế pháp lý**

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo Quyết định số 19/QĐ-SNN ngày 14/01/2021 về ban hành Nội quy tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang.

Công khai số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử; tổ chức tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, doanh nghiệp, nhất là về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà; công khai kết quả xử lý, nếu có lỗi thì phải công khai xin lỗi người dân, doanh nghiệp và khắc phục hậu quả, xử lý vi phạm theo đúng quy định, đảm bảo quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

Thường xuyên lắng nghe và tham vấn ý kiến của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạn chế tối đa các bất cập, những “lỗ hổng” dễ làm phát sinh tiêu cực đối với người dân, doanh nghiệp.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở**

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong thực thi công vụ và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Bộ trí, phân công công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và ý thức trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch của đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ, biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện; định kỳ 06 tháng, 01 năm, báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện cùng với báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính về Sở Nông nghiệp và PTNT; kịp thời báo cáo Giám đốc Sở giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

## **2. Văn phòng Sở**

Làm đơn vị đầu mối tham mưu thực hiện công tác kiểm soát TTHC; hướng dẫn kỹ năng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC cho công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” và công chức tham mưu giải quyết TTHC của các đơn vị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện công khai số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử đường dây nóng của Sở trên Trang thông tin điện tử ở vị trí dễ thấy, dễ nhớ.

## **3. Thanh tra Sở**

Làm đơn vị đầu mối tham mưu thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ, văn hóa công sở đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Trường hợp phát hiện công chức nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp thì ngoài trách nhiệm người trực tiếp có liên quan, xem xét đề xuất thi hành kỷ luật với người đứng đầu đơn vị đó.

Tham mưu thiết lập lại số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử đường dây nóng của Sở; Quy chế quản lý, sử dụng đường dây nóng; định kỳ hằng tháng báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện theo quy định.

Chủ trì tổ chức tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, doanh nghiệp đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

## **4. Phòng Tổ chức cán bộ**

Làm đơn vị đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc Sở trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ kế hoạch này; định kỳ 06 tháng, 01 năm, tham mưu tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Tham mưu thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đưa nội dung văn hóa công sở, công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh, là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại hằng năm đối với tập thể và cá nhân.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2021 và các năm tiếp theo của Sở Nông nghiệp và PTNT. Yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Hiệp hội DN tỉnh (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc Sở; (thực hiện)
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Việt**